

Bản án số: 76 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2025

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thu Huyền

Bà Trần Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lâm Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

1. *Nguyên đơn:* Bà Văn Thị T - Sinh năm: 1975. Địa chỉ: Số A, đường T, phường A, quận S, nay là phường A, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Triệu Vạn T1 - Sinh năm: 1965. Địa chỉ: B S. Orlando, FL C, Hoa Kỳ. Có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đến ngày 25 tháng 12 năm 2024, nguyên đơn bà Văn Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Triệu Vạn T1 đăng ký kết hôn ngày 03/6/2022 tại Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng. Sau một thời gian chung sống thì ông T1 sang Mỹ làm việc từ đó đến nay và chưa về Việt Nam thăm bà. Cách sống của ông T1 thay đổi rất nhiều và gây áp lực cho bà. Một số tháng qua ông T1 không còn liên lạc với bà. Nay bà xác định vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Bà và ông Triệu Vạn T1 không có.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Triệu Vạn T1 không có.

** Ngày 05/08/2025 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận đơn trình bày của ông Triệu Vạn T1 có xác nhận của T2 tại S (Hoa Kỳ) ngày 16/7/2025, nội dung như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Văn Thị T.

Về quan hệ con chung: Không có.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có

Nay do ở xa, nên ông yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, rút ngắn thời gian giải quyết vụ án và giải quyết xét xử vắng mặt ông.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu “*Ly hôn*” của bà Văn Thị T đối với ông Triệu Vạn T1.

- Về con chung: Bà T và ông T1 xác định không có con chung, nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T1 xác định không có tài sản chung và nợ chung, nên không đề cập đến.

- Án phí dân sự sơ thẩm, các chi phí tố tụng bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bà Văn Thị T; địa chỉ: Số A, đường T, phường A, quận S, nay là phường A, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và ông Triệu Vạn T1; địa chỉ: B S. Orlando. FL 32808, Hoa Kỳ nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn bà Văn Thị T và bị đơn ông Triệu Vạn T1, theo quy định tại Điều 122 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng làm hồ sơ ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp theo quy định tại thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ N và Tòa án nhân dân tối cao quy định về quy trình, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự đối với ông Triệu Vạn T1.

Ngày 24/4/2025, Bộ Tư pháp đã có Công hàm số: 1134/CH-BTP gửi Công ty A (Hoa Kỳ) hồ sơ ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với ông Triệu Vạn T1.

Ngày 05/08/2025, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận được trình bày của ông Triệu Vạn T1 đề nghị xét xử vắng mặt. Ngày 18/8/2025, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận được đơn của bà Văn Thị T đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 03/6/2022, bà Văn Thị T và ông Triệu Vạn T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận S, nay là phường A, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Đây quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng theo bà T là do khoảng cách địa lý, ít có thời gian liên lạc, tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T thấy: Hiện nay, bà T và ông T1 mỗi người sống mỗi nơi, hôn nhân chỉ tồn tại về mặt hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân ông T1 cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông T1 xác định không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T1 xác định không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 228; Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 122, 123 và 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “*Ly hôn*” của bà Văn Thị T đối với ông Triệu Vạn T1.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Văn Thị T được ly hôn với ông Triệu Vạn T1.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Văn Thị T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003873 ngày 25/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Văn Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

3.1. Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài, bà Văn Thị T phải chịu là 95 USD. Bà Văn Thị T đã nộp đủ chi phí thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo Giấy nộp tiền ngày 13/02/2025 tại Ngân hàng A1 Chi nhánh thành phố Đ.

3.2. Về lệ phí ủy thác tổng đạt, bà T phải chịu 200.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp theo Biên lai số 0003963 ngày 13/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ lệ phí ủy thác tổng đạt.

4. Về chi phí dịch thuật, bà T phải chịu 560.000 đồng. Bà T đã nộp đủ phí dịch thuật theo Hóa đơn bán hàng ngày 28/02/2025 của Phòng tư pháp quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Văn Thị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Triệu Vạn T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- UBND phường An Hải;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng